TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày: 12-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chín
2. Ông Lê Văn Do

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Y-LI-L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/12/2006 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Tin Lành; Số CCCD: 064206017604 cấp ngày 08/6/2021. Nơi cấp: CQLHC; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông K và bà M; Bị cáo có vợ tên là H và có 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 05/01/2025, bị cáo phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Ngày 13/01/2025, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh L, sinh ngày 28/12/2003; Trú tại: Thôn B, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1982; Trú tại: tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người phiên dịch: Ông A; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/01/2025, Y-L-Lôt mượn xe của anh L (anh trai của Y-L-Lôt) có biển số 81B2-824.07 điều khiển đi từ nhà tại thôn B, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai tới của hàng lạc xoong *"Nguyên Kim 1"* của bà Nguyễn Thị Lệ H1 để mua đồ sửa chữa xe công nông. Khi đến của hàng, Y-L-Lôt để xe ở bên ngoài rồi đi vào trong cửa hàng thì thấy chị H1 đang bán hàng. Trong lúc đợi đến lượt mua hàng, Y-L-Lôt để ý thấy bà H1 bán hàng và bỏ tiền vào ngăn kéo tủ gỗ của quầy bán hàng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền. Sau khi mua hàng, Y-L-Lôt lấy lý do cần mua thêm đồ rồi đi lòng vòng trong cửa hàng để chờ sở hở thì trộm cắp tiền. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi thấy bà H1 đi ra đằng trước để lấy đồ cho khách, trong cửa hàng không có người trông coi nên Y-LLôt đi vào mở ngăn kéo ra và lấy bên trong hai xấp tiền bỏ vào túi trong áo khoác đang mặc rồi ra ngoài lấy xe mô tô biển số 81B2-824.07 điều khiển về nhà. Khi về đến nhà, Y-L-Lôt lấy số tiền trộm cắp được ra đếm được số tiền 30.000.000 đồng rồi lấy số tiền 500.000 đồng để tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại giấu vào trong túi áo khoác để trong phòng ngủ của Y-L-Lôt.

Ngày 09/01/2025, bà Nguyễn Thị Lệ H1 có đơn trình báo vụ việc đến Công an thị trấn Đ. Ngày 10/01/2025, Y-Li-Lôt tới Cơ quan Công an thị trấn Đak Đoa đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như trên và giao nộp lại số tiền 29.500.000 đồng.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 29.500.000 đồng do Y-L3-Lôt giao nộp, quá trình điều tra xác định số tiền trên là của bà Nguyễn Thị Lệ H1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H1 theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 81B2-824.07 do Y-L3-Lôt giao nộp, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là của anh L, anh L không biết việc Y-Li-Lôt mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L theo quy định.

Về Dân sự: Bà Nguyễn Thị Lệ H1 đã nhận được số tiền 29.500.000 đồng và Y-L-Lôt đã thỏa thuận trả lại số tiền 500.000 đồng cho bà H1 nên bà H1 không có yêu cầu về mặt dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Y-L-Lôt.

Tại ản cáo"Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-H.Đak Đoa ngày 31-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Y-L-Lôt về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

-Về dân sự: Không;

Về vật chứng: Không.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật ố"tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Y-L-Lôt phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mẹ bị cáo đã già, thường xuyên ốm đau, bị cáo có 01 con còn nhỏ, nếu bị cáo đi tù thì sẽ không có người chăm sóc bố mẹ, vợ con. Do vậy, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật ố"tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của ơ"cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 05/01/2025 tại cửa hàng L4 *"Nguyên Kim 1"* thuộc Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Y-L1ôt đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 30.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Lệ H1.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Y-L-Lôt thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 30.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Y-L-Lôt đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng; sau khi phạm tội đã tự ra đầu thú và tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; bị cáo là lao động chính trong gia đình và có 01 con còn nhỏ, sinh năm 2024. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng chế định án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Lệ H1 đã nhận được số tiền 29.500.000 đồng và Y-L-Lôt đã thỏa thuận bồi thường số tiền 500.000 đồng cho bà H1 nên bà H1 không có yêu cầu về mặt dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về vật chứng: Đối với số tiền 29.500.000 đồng do Y-L3-Lôt giao nộp, quá trình điều tra xác định số tiền trên là của bà Nguyễn Thị Lệ H1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H1 theo quy định và đối với xe mô tô biển số 81B2-824.07 do Y-L3-Lôt giao nộp, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là của anh L, anh L không biết việc Y-Li-Lôt mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Y-L1Lôt phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Y-L-Lôt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12-5-2025).

Giao bị cáo Y-L-Lôt cho Uỷ ban nhân xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban ườ"ng"thường vụ Quốc ộ"i;"Hội;

Buộc bị cáo Y-L2-Lôt phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT;
- THADS huyện Đ;
- Phân trại tạm giam huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên